

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29.01.2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yên Trinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành**

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 447/2020/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: 2/31 Ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Anh **Đặng Văn T**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ấp 1B, xã L, huyện C, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày như sau: Chị và anh T cưới nhau năm 2011, hôn nhân do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì do kinh tế khó khăn mà anh T không chăm lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình và vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ tháng 01 năm 2020 chị bỏ về bên nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Văn T₁, sinh ngày 27/10/2011 và Đặng Minh K, sinh ngày 14/3/2015 hiện đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Đặng Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đặng Văn T nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn T là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Chị H và anh T cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 28/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị H yêu cầu được ly hôn với anh T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể giải quyết để tiếp tục chung sống hạnh phúc.

[2.3] Xét thấy anh Đặng Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham dự phiên tòa từ đó cho thấy anh T cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị H để vợ chồng quay về tiếp tục chung sống do đó áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Đặng Văn T.

[2.4] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Đặng Văn T₁, sinh ngày 27/10/2011 và Đặng Minh K, sinh ngày 14/3/2015. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T và cháu K hiện đang sống ổn định với chị H và anh T cũng không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị H được tiếp tục nuôi 02 con chung.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.6] Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu anh T có chứng cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[2.7] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Đặng Văn T₁, sinh ngày 27/10/2011 và Đặng Minh K, sinh ngày 14/3/2015.

Anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008909 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ YẾN TRINH

**Thành Viên
Hội Đồng Xét Xử**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến Trinh